|  |  |
| --- | --- |
| TỔNG CỤC THỐNG KÊ**CỤC THỐNG KÊ TỈNH AN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***An Giang, ngày 26 tháng 6 năm 2023* |

# **THÔNG CÁO BÁO CHÍ**

**Về tình hình kinh tế - xã hội tỉnh An Giang**

**6 tháng năm 2023**

Kinh tế - xã hội của tỉnh 6 tháng đầu năm 2023 diễn ra trong bối cảnh tình hình thế giới được dự báo tiếp tục diễn biến rất phức tạp, sản xuất kinh doanh trong nước và trên địa bàn tỉnh một số ngành chưa như kỳ vọng do giá cả nguyên, nhiên, vật liệu vẫn tăng cao, đơn hàng sụt giảm.

Với quyết tâm phục hồi và phát triển kinh tế, tạo đà để hoàn thành
các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2023, UBND tỉnh đã chỉ đạo các ngành triển khai nhiều giải pháp, tổ chức thực hiện kịp thời các cơ chế, chính sách của Chính phủ, xây dựng và thực hiện nhiều chương trình, đề án, kế hoạch phù hợp với tình hình và điều kiện thực tế của địa phương đã phát huy tác dụng, nhiều ngành đã khôi phục mạnh mẽ; các lĩnh vực văn hóa, an sinh xã hội tiếp tục được quan tâm thực hiện tốt; trật tự an toàn xã hội, quốc phòng, an ninh biên giới vẫn được đảm bảo. Kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2023 của tỉnh tiếp tục đạt được nhiều kết quả tích cực, hầu hết các ngành, lĩnh vực đều tăng trưởng.

**I. TÌNH HÌNH KINH TẾ**

**1. Tăng trưởng kinh tế**

*Tổng sản phẩm trên địa bàn 6 tháng năm 2023 ước tính tăng 6,50% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ tăng 4,90%). Trong mức tăng chung, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,29% (cùng kỳ 2,51%), khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 9,51% (cùng kỳ tăng 7,21%), khu vực dịch vụ tăng 8,17% (cùng kỳ tăng 5,93%), thuế sản phẩm tăng 3,62%.*

- Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản trong 6 tháng năm 2023: Tiếp tục khẳng định vai trò nền tảng của nền kinh tế, hai mặt hàng nông nghiệp chủ lực của tỉnh là lúa gạo và cá tra có đóng góp lớn vào giá trị kim ngạch xuất khẩu với mức tăng 3,29% so với cùng kỳ năm trước, trong đó ngành khai thác và nuôi trồng thủy sản có mức tăng cao 6,92% (cùng kỳ là 6,83%) với sản lượng thu hoạch đạt 253 ngàn tấn, bằng 109,0% hay tăng 21 ngàn tấn so cùng kỳ.

- Khu vực công nghiệp và xây dựng: Ngành công nghiệp 6 tháng năm 2023 tăng 10,50% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm tỷ trọng lớn 64%, tiếp tục đóng vai trò động lực dẫn dắt tăng trưởng khu vực này với mức tăng 10,49%; ngành sản xuất và phân phối điện có mức tăng 12,45%. Ngành xây dựng tăng 6,64%, so cùng kỳ.

- Khu vực dịch vụ trong 6 tháng năm 2023 có mức tăng 8,17% cao hơn cùng kỳ, khi sức mua tăng và nhiều hoạt động dịch vụ sôi động trở lại. Đóng góp của một số ngành dịch vụ có tỷ trọng lớn vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm như sau: Bán buôn và bán lẻ tăng 9,90% so với cùng kỳ năm trước, là ngành dịch vụ có đóng góp lớn vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế; dịch vụ lưu trú và ăn uống 17,51%; vận tải kho bãi tăng 16,56%; hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 8,08%; ngành nghệ thuật vui chơi giải trí có mức tăng 16,63% so cùng kỳ.

Về cơ cấu nền kinh tế 6 tháng năm 2023, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 32,375%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 15,87%; khu vực dịch vụ chiếm 47,7%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 4,06%.

**2. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thuỷ sản**

***a) Nông nghiệp***

- Tổng diện tích gieo trồng cây hằng năm 6 tháng 2023 (vụ Đông Xuân và vụ Mùa) được 250 ngàn ha lúa và hoa màu, giảm 0,38% hay giảm 944 ha so cùng kỳ. Chia ra:

+ Cây lúa: Diện tích gieo trồng được 231,2 ngàn ha, giảm 0,94% hay giảm 2.191 ha so cùng kỳ, cụ thể: Vụ Đông Xuân (2022-2023) thực hiện xuống giống cây lúa được 227,7 ngàn ha, bằng 0,89%, hay giảm 2.053 ha so vụ Đông Xuân năm trước và vụ Mùa (2022-2023) xuống giống được 3.505 ha, giảm 138 ha so vụ Mùa năm trước. Về năng suất bình quân chung đạt 74,95 tạ/ha (+2,08 tạ/ha) so cùng kỳ, cụ thể: Vụ Đông Xuân (2022-2023) năng suất đạt 75,5 tạ/ha, tăng 2,91% hay tăng 2,13 tạ/ha; Vụ Mùa (2022-2023) năng suất đạt 39,2 tạ/ha, giảm 5,77% hay giảm 2,4 tạ/ha. Sản lượng 6 tháng đầu năm đạt hơn 1,733 triệu tấn, tăng hơn 32 ngàn tấn so cùng kỳ, gồm: vụ Đông Xuân đạt hơn 1,719 triệu tấn, tăng 33,4 ngàn tấn so cùng kỳ (yếu tố diện tích làm giảm 15,5 ngàn tấn và yếu tố năng suất làm tăng 48,9 ngàn tấn); vụ Mùa thu hoạch hơn 13,7 ngàn tấn, giảm 1,4 ngàn tấn so với lúa Mùa năm trước (trong đó yếu tố diện tích làm sản lượng giảm 539 tấn và yếu tố năng suất làm sản lượng giảm 874 tấn)

Giá cả: Do nhu cầu xuất khẩu gạo tăng cao nên giá bán lúa tươi luôn ổn định và tăng so cùng kỳ, như: Giá bán các giống lúa OM dao động từ 6.400-6.500 đồng/kg, tăng từ 550-900 đồng/kg so cùng kỳ; lúa IR50404 dao động từ 6.100-6.300 đồng/kg, tăng từ 500-600 đồng/kg so cùng kỳ; Đài Thơm 8 có giá bán 6.600-6.800 đồng/kg, tăng 800 đồng/kg so cùng kỳ; riêng nếp tươi dao động từ 6.100-6.800 đồng/kg (tùy loại), tăng từ 500-1.300 đồng/kg so cùng kỳ.

+ Hoa màu: Toàn tỉnh thực hiện gieo trồng được hơn 18,5 ngàn ha, tăng 7,25% hay tăng 1.252 ha so cùng kỳ. Nguyên nhân tăng chủ yếu từ diện tích lúa chuyển sang trồng màu 1.144 ha, từ diện tích đất trồng cây lâu năm 17 ha, đất nuôi trồng thủy sản 2 ha; đồng thời do giảm diện tích trồng xen trong cây lâu năm là 14 ha và chuyển từ diện tích trồng màu sang lúa 43 ha. Diện tích các nhóm cây trồng ước đạt như sau: Bắp 2.030 ha, tăng 126 ha; nhóm cây chất bột 787 ha, tăng 46 ha; cây có hạt chứa dầu 171 ha (-190 ha); rau dưa các loại gần 10,8 ngàn ha (+342 ha); đậu lấy hạt các loại 183 ha (-33 ha); hoa các loại 114 ha, xấp xỉ cùng kỳ và cây hằng năm khác 4.467 ha (+954 ha) so với cùng kỳ năm trước. Năng suất các loại hoa màu của các địa phương tương đối ổn định, tuy nhiên do thay đổi cơ cấu diện tích gieo trồng giữa các địa phương trong tỉnh, giữa các loại cây trong cùng nhóm cây nên một số loại cây và nhóm cây trồng có năng suất tăng hoặc giảm đột biến so vụ Đông Xuân năm trước. Sản lượng thu hoạch của một số loại hoa màu chủ lực của tỉnh như sau: Bắp đạt hơn 15,6 ngàn tấn, tăng 430 tấn; khoai mỳ gần 6,7 ngàn tấn, giảm 2.472 tấn; khoai môn hơn 6,3 ngàn tấn, tăng 1.993 tấn; rau dưa các loại hơn 241 ngàn tấn, tăng 12,9 ngàn tấn; cây gia vị (ớt cay) 11,9 ngàn tấn, giảm 1.587 tấn so cùng kỳ;…

- Cây lâu năm: Trong 6 tháng đầu năm, toàn tỉnh thực hiện trồng mới khoảng 200 ha, nâng diện tích cây lâu năm toàn tỉnh hiện có hơn 21,5 ngàn ha, tăng 3,45% hay tăng 717 ha so cùng kỳ. Trong đó, DT cho sản phẩm đạt 16,4 ngàn ha (chiếm 76,28% tổng diện tích cây lâu năm), tăng 9,33% hay tăng 1,4 ngàn ha so cùng kỳ. Sản lượng thu hoạch các loại cây lâu năm trong 6 tháng đầu năm đạt hơn 155 ngàn tấn, tăng 6,8% hay tăng 9,9 ngàn tấn so cùng kỳ. Giá bán trái cây trong 6 tháng đầu năm không thật sự ổn định, cụ thể: Hiện giá bán xoài Đài Loan dao động từ 3-6 ngàn đồng/kg, tùy loại, tăng 1 ngàn đồng/kg; xoài cát Hòa Lộc 14 ngàn đồng/kg, giảm 9 ngàn đồng/kg; riêng mít 32 ngàn đồng/kg, tăng 25 ngàn đồng/kg so cùng kỳ...

- Chăn nuôi: Tình hình dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm được kiểm soát tốt, tạo được sự yên tâm cho người chăn nuôi và giá bán các sản phẩm thịt hơi xuất chuồng trong thời gian qua luôn ổn định nên góp phần làm cho đàn chăn nuôi có xu hướng gia tăng về số lượng và sản phầm thịt hơi xuất chuồng. Ước sản phẩm chăn nuôi xuất chuồng 6 tháng đầu năm 2023 ước đạt 21 ngàn tấn, tăng 14,17% hay tăng hơn 2,6 ngàn tấn so cùng kỳ. Số lượng và sản lượng thịt hơi xuất chuồng như sau: Đàn trâu-bò: khoảng 69,7 ngàn con, giảm 1,48% (-1.050 con) so cùng kỳ; sản lượng thịt hơi trâu-bò gần 4,3 ngàn tấn, giảm 1,06% (-46 tấn) so cùng kỳ. Đàn heo toàn tỉnh có gần 99 ngàn con, tăng 21,02% (tăng 17,2 ngàn con) so cùng kỳ; ước tính sản lượng thịt heo đạt 9,7 ngàn tấn, tăng 25,03% (+1,94 ngàn tấn) so cùng kỳ, trong đó các doanh nghiệp có sản lượng thịt hơi xuất chuồng khoảng 3,4 ngàn tấn (chiếm 35,0% tổng sản lượng thịt heo). Đàn gia cầm hiện có hơn 6,9 triệu con, tăng 14,12% (tăng 848 ngàn con) so cùng kỳ, trong đó: Đàn vịt hơn 4,5 triệu con, tăng 15,63% (+608 ngàn con), tăng 11,06% hay tăng 358 ngàn con; đàn gà hiện có hơn 2,3 triệu con, tăng 11,15% hay tăng 232 ngàn con (chủ yếu tăng đàn gà của các doanh nghiệp nuôi gia công); sản lượng thịt hơi gia cầm khoảng 6,9 ngàn tấn, tăng 10,97% (+685 tấn) so cùng kỳ và sản lượng trứng các loại gia cầm thu hoạch trong 6 tháng đầu năm đạt hơn 213 triệu quả, tăng 6,85%, tăng gần 13,7 triệu quả.

 Nuôi yến: Với giá bán ổn định ở mức cao (bình quân 30–35 triệu đồng/kg) nên số lượng nhà yến xây mới tiếp tục tăng lên. Ước tính số lượng nhà yến toàn tỉnh hiện có khoảng 1 ngàn nhà, tăng 50 nhà so cùng kỳ. Sản lượng tổ yến thu hoạch từ nhà nuôi khoảng 7,5 tấn, tăng 25,0% hay tăng 1,5 tấn so cùng kỳ.

***b) Thủy sản***

Hiện nay giá bán cá tra nguyên liệu dao động từ 28-30 ngàn đồng/kg, giảm 1 ngàn đồng/kg so tháng trước và cùng kỳ, tuy nhiên những tháng đầu năm giá bán cá tra nguyên liệu luôn ổn định ở mức cao (dao động từ 30-32 ngàn đồng/kg, tăng 1,5-3 ngàn đồng/kg so cùng kỳ), với mức giá bán này đối với hộ nuôi đã có lợi nhuận, riêng các doanh nghiệp có chu trình sản xuất khép kín sẽ đạt mức lợi nhuận cao hơn đồng thời diện tích nuôi cá tra hiện nay hầu hết thuộc các vùng nuôi của doanh nghiệp, bên cạnh nhu cầu tiêu thụ các loại thủy sản khác luôn ở mức cao (nhờ xuất khẩu sang Campuchia theo đường tiểu ngạch), từ đó làm cho quy mô nuôi và thu hoạch trong 6 tháng đầu năm tăng so cùng kỳ. Ước tính tổng sản lượng thủy sản 6 tháng đầu năm 2023 đạt 356,7 ngàn tấn, tăng 9,69% so cùng kỳ, trong đó: Sản lượng nuôi trồng ước đạt 350,3 ngàn tấn, tăng 9,94% hay tăng 32 ngàn tấn so cùng kỳ, gồm: Sản lượng cá tra thu hoạch khoảng 310,5 ngàn tấn, tăng 9,84% hay tăng 27,8 ngàn tấn, chủ yếu tăng sản lượng thu hoạch thuộc vùng nuôi của doanh nghiệp, sản lượng thu hoạch chiếm 64,5% tổng sản lượng; sản lượng thu hoạch các loại cá khác hơn 39,5 ngàn tấn, tăng 10,7%, tăng 3,8 ngàn tấn so cùng kỳ...Do hoạt động nuôi trồng thủy sản tăng nên số lượng con giống sản xuất trong 6 tháng đầu năm ước khoảng 3,7 tỷ con, tăng 3,79% hay tăng 133 triệu con.

**3. Sản xuất công nghiệp**

Hoạt động sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh ổn định, sản xuất phục hồi và khởi sắc, các gói hỗ trợ của Chính phủ cho hoạt động sản xuất kinh doanh đã tạo nhiều tác động tích cực, hỗ trợ các doanh nghiệp khắc phục khó khăn để phục hồi sản xuất. Tuy nhiên, do ảnh hưởng thị trường tiêu thụ khó khăn nên một số ngành như chế biến thủy sản, sản xuất da giày quy mô tạm thời thu hẹp vì đơn hàng bị sụt giảm, dẫn đến công nhân bị cắt giảm hoặc giảm giờ làm.

- Giá trị sản xuất công nghiệp (giá hiện hành) 6 tháng 2023 đạt 33.268 tỷ đồng, trong đó: Công nghiệp chế biến đạt 30.858 tỷ đồng, chiếm 91,76% trong toàn ngành công nghiệp. Giá trị sản xuất công nghiệp (giá so sánh) 6 tháng 2023 đạt 20.133 tỷ đồng, tăng 9,51% so với cùng. Cụ thể: Ngành khai khoáng đạt 208 tỷ đồng, tăng 9,76% so cùng kỳ; ngành chế biến, chế tạo đạt 19.185 tỷ đồng, tăng 9,46% so cùng kỳ.

- Một số sản phẩm công nghiệp chủ chủ yếu 6 tháng đàu năm 2023 trên địa bàn: *Sản lượng đá xây dựng khai thác* ước đạt 3.317 ngàn m3, tăng 9,12% so cùng kỳ. Sản phẩm đá xây dựng cơ bản đáp ứng nhu cầu xây dựng các công trình trọng điểm trong tỉnh và các tỉnh lân cận; *Sản phẩm thủy sản đông lạnh* ước đạt 72,70 ngàn tấn, giảm 5,94% so cùng kỳ; *Sản lượng gạo xay xát* ước đạt 937 ngàn tấn, tăng 5,0% so cùng kỳ, sản phẩm gạo xay xát khá thuận lợi, có đơn đặt hàng, thị trường tiêu thụ trong và ngoài nước được ổn định; *sản phẩm bê tông trộn sẵn* ước đạt 89,9 ngàn m3, tăng 23,80% so cùng kỳ; *sản lượng điện năng lượng mặt trời* ước đạt 349,6 triệu kwh, tăng 21,28% so cùng kỳ; *Sản phẩm nước sinh hoạt* ước đạt 48,88 triệu m3 tăng 8,21% so cùng kỳ. Bên cạnh một số sản phẩm sản xuất tăng, có một số sản phẩm do đơn hàng sụt giảm nên sản xuất có giảm so cùng kỳ như: giày, dép da ước đạt 9,85 triệu đôi, giảm 50,24% so cùng kỳ; sản phẩm bao bì ước đạt 4.646 tấn, giảm 57,14% so với cùng kỳ;…

**4. Hoạt động doanh nghiệp**

- Tổng số doanh nghiệp thành lập mới từ đầu năm đến ngày 14/6/2023 là 422 doanh nghiệp, giảm 8,64% so với cùng kỳ với tổng số vốn đăng ký khoảng 3.343 tỷ đồng tăng 0,85% so với cùng kỳ. Số doanh nghiệp hoạt động trở lại 155 doanh nghiệp, giảm 20,51% so với cùng kỳ. Số doanh nghiệp giải thể tự nguyện là 65 doanh nghiệp, giảm 15,58% so với cùng kỳ. Số doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng hoạt động là 274 doanh nghiệp, tăng 7,03% so với cùng kỳ.

- Dự báo tổng quan về tình hình sản xuất kinh doanh: Quý hiện tại so với quý trước có 27,72% số doanh nghiệp cho rằng tốt hơn, 37,10% số doanh nghiệp cho rằng giữ nguyên, 35,48% cho rằng khó khăn. Quý tiếp theo so với quý hiện tại có 40,32% số doanh nghiệp cho rằng sẽ tốt hơn, 43,55% cho rằng vẫn giữ nguyên, 16,13% số doanh nghiệp cho rằng sẽ khó khăn hơn.

- Dự báo xu hướng về số lượng đơn đặt hàng xuất khẩu mới ngành chế biến chế tạo: Quý hiện tại so với quý trước có 24,56% số doanh nghiệp cho là tăng lên, 31,58% số doang nghiệp cho là giữ nguyên, 43,86% số doanh nghiệp cho là giảm đi. Quý tiếp theo so với quý hiện tại 32,76% số doanh nghiệp cho là tăng lên, 50% số doanh nghiệp cho là giữ nguyên, 17,24% số doanh nghiệp cho là giảm đi.

- Tỷ lệ doanh nghiệp dự báo xu hướng về chi phí sản xuất trên một đơn vị sản phẩm ngành chế biến, chế tạo: Quý hiện tại so với quý trước tăng lên là 20,97%, giữ nguyên là 72,58%, giảm đi là 6,45%. Quý tiếp theo so với quý hiện tại tăng lên là 16,13%, giữ nguyên là 74,19%, giảm đi là 9,68%.

**5. Thương mại và dịch vụ**

Trong 6 tháng đầu năm 2023, hoạt động thương mại, dịch vụ tăng trưởng mạnh mẽ, đặc biệt trong dịp Tết Nguyên đán và kỳ nghỉ lễ 30/4 - 1/5, dịp lễ hội Vía Bà Chúa xứ núi Sam... nguồn hàng dự trữ đầy đủ, đảm bảo nhu cầu mua sắm của người dân.

*- Ước doanh thu bán buôn, bán lẻ hàng hóa, dịch vụ 6 tháng đầu năm ước đạt 93.783 tỷ đồng, tăng 15,92% so với cùng kỳ, chia ra:*

+ Doanh thu bán buôn hàng hóa 6 tháng đầu năm đạt 51.146 tỷ đồng, tăng 14,71% so cùng kỳ.

+ Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ 6 tháng đầu năm 2023 đạt 42.637 tỷ đồng, tăng 17,40% so cùng kỳ. Chia ra: Doanh thu bán lẻ hàng hóa đạt 29.382 tỷ đồng, tăng 16,96% so cùng kỳ và doanh thu các ngành dịch vụ đạt 13.255 tỷ đồng, tăng 18,37% so cùng kỳ, trong đó: Doanh thu của ngành dịch vụ lưu trú, ăn uống đạt 7.174 tỷ đồng, tăng 21,81% so cùng kỳ; Doanh thu các ngành bất động sản, dịch vụ y tế, vui chơi giải trí,… đạt 6.081 tỷ đồng, tăng 14,55% so cùng kỳ

- Hoạt động vận tải trong 6 tháng đầu năm 2023 tăng trưởng cao do nhu cầu đi lại, giao thương của người dân tăng cao trong dịp Tết, lễ hội, nghỉ hè và các hoạt động du lịch, xúc tiến thương mại được đẩy mạnh. *Ước tổng doanh thu hoạt động vận tải và kho bãi 6 tháng đầu năm 2023 đạt 2.916 tỷ đồng, tăng 23% so cùng kỳ*. Chia ra: Hoạt động vận tải hành khách có doanh thu đạt 795 tỷ đồng, tăng 26,77% so cùng kỳ; số lượt hành khách vận chuyển đạt 69,9 triệu lượt hành khách, tăng 26,78% so cùng kỳ; hành khách luân chuyển đạt 940,6 triệu lượt hành khách.km, tăng 26,69% so cùng kỳ. Hoạt động vận tải hàng hóa có doanh thu đạt 1.681 tỷ đồng, tăng 21,79% so cùng kỳ; khối lượng hàng hoá vận đạt 23,1 triệu tấn hàng hóa, tăng 21,74% so cùng kỳ; khối lượng hàng hoá luân chuyển đạt 1.819 triệu tấn hàng hóa.km, tăng 22,19% so cùng kỳ. Doanh thu kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải đạt 316 tỷ đồng, tăng 20,74% so cùng kỳ và doanh thu bưu chính và chuyển phát đạt 124 tỷ đồng, tăng 22,07% so cùng kỳ.

- Hoạt động xuất nhập khẩu: *Ước tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa 6 tháng đầu năm đạt 672 triệu USD, tăng 3,72% so cùng kỳ*, trong đó: Kim ngạch xuất khẩu 6 tháng đầu năm đạt đạt 574 triệu USD, tăng 3,76% so với cùng kỳ; kim ngạch nhập khẩu đạt 98 triệu USD, tăng 3,46% so cùng kỳ. Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu trong 6 thang đầu năm 2023:

*+ Thủy sản đông lạnh*: Ước kim ngạch xuất khẩu đạt 60 nghìn tấn, tương đương 154,3 triệu USD; so với cùng kỳ giảm 2,75% về sản lượng và giảm 1,94% về kim ngạch. Hộ kinh doanh xuất khẩu thủy sản nguyên con qua Campuchia 6 tháng đầu năm ước đạt 21,4 ngàn tấn, tương đương 31,4 triệu USD, giảm 10% về sản lượng và giảm 15% về kim ngạch so cùng kỳ. Do kinh tế thế giới phục hồi chậm cùng với chính sách thắt chặt tiền tệ ở nhiều quốc gia, làm suy giảm nhu cầu tiêu dùng của các đối tác thương mại lớn, ảnh hưởng đến đơn hàng nên sản xuất giảm, từ đó kim ngạch xuất khẩu thủy sản giảm so cùng kỳ.

*+ Gạo:* Ước kim ngạch xuất khẩu 290,4 nghìn tấn, tương đương 158,7 triệu USD; so với cùng kỳ tăng 8,22 % về sản lượng và tăng 9,52% về kim ngạch.

 + *Rau quả đông lạnh*: Ước sản lượng xuất khẩu đạt 6,1 nghìn tấn, tương đương 9,9 triệu USD; so với cùng kỳ tăng 19,47% về sản lượng và tăng 13,23% về kim ngạch; *Hàng may mặc (quần áo)*: Ước xuất khẩu đạt 76,7 triệu USD, tăng 10,40% so cùng kỳ; *Hàng giày dép*: Ước xuất khẩu đạt 34,5 triệu USD, giảm 12,72% so cùng kỳ, do ảnh hưởng đơn đặt hàng xuất khẩu giảm, doanh nghiệp giảm lao động, giảm giờ làm, nên kim ngạch xuất khẩu giảm so cùng kỳ. Ngoài ra vẫn còn một số mặt hàng xuất khẩu khác trong 6 tháng đầu năm có kim ngạch xuất khẩu khá như: Phân bón các loại đạt 12,7 triệu USD; sắt thép 3 triệu USD;…

**6. Tài chính, ngân hàng và bảo hiểm**

- Thu, chi ngân sách: Công tác thu chi, điều hành, quản lý ngân sách được đảm bảo và kịp thời, thực hiện nghiêm túc chủ trương, hạn chế bổ sung nhiệm vụ chi ngoài dự toán, đảm bảo sử dụng dự phòng ngân sách đúng mục đích, đáp ứng đầy đủ, kịp thời các yêu cầu, nhiệm vụ chi theo dự toán đã được bố trí, đảm bảo đúng chế độ, chính sách, tiêu chuẩn, định mức theo quy định

+ Tổng thu từ kinh tế địa bàn ước thực hiện trong 6 tháng năm 2023 là 3.959 tỷ đồng, đạt 59,64% dự toán, bằng 96,69% so cùng kỳ. Chia ra: Thu từ hoạt động nhập khẩu 200 tỷ đồng đạt 48,78% dự toán, bằng 75,81% so cùng kỳ; thu nội địa 3.759 tỷ đồng đạt 60,36% dự toán năm, bằng 98,13% so cùng kỳ năm trước.

+ Tổng chi ngân sách địa phương trong 6 tháng năm 2023 là 6.855 tỷ đồng, đạt 46,52% dự toán năm, bằng 112,98% so với cùng kỳ. Trong đó các khoản chi có mức tăng, giảm so với cùng kỳ: Chi đầu tư phát triển 1.695 tỷ đồng, tăng 45,96%, chủ yếu là chi đầu tư xây dựng cơ bản; chi thường xuyên: 5.160 tỷ đồng, tăng 5,17%, trong đó: Sự nghiệp kinh tế: 530 tỷ đồng, tăng 79,54%; sự nghiệp giáo dục và đào tạo: 2.100 tỷ đồng, tăng 11,48%; sự nghiệp y tế: 450 tỷ đồng, giảm 11,34%; quản lý hành chính: 900 tỷ đồng, tăng 3,68%; an ninh, quốc phòng: 200 tỷ đồng, giảm 32,96%; chi đảm bảo xã hội: 550 tỷ đồng, giảm 32,66%…

- Hoạt động ngân hàng: Hoạt động tín dụng tiếp tục được duy trì ổn định và tăng trưởng, chất lượng tín dụng của các tổ chức tín dụng (TCTD) đạt khá tốt. Cơ cấu tín dụng giữa VND và ngoại tệ; giữa ngắn hạn với trung và dài hạn đảm bảo, phù hợp với cơ cấu nguồn vốn và sử dụng vốn của các TCTD trên địa bàn. Các yếu tố tỷ giá, lãi suất cơ bản vẫn ổn định và phát huy vai trò hỗ trợ doanh nghiệp phục hồi tăng trưởng, hỗ trợ và thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh, xuất - nhập khẩu.

+ Hoạt động huy động vốn: Tổng số dư huy động vốn ước thực hiện đến cuối tháng 6/2023 là 65.537 tỷ đồng, tăng 3,94% so cuối năm 2022, trong đó, số dư huy động vốn trên 12 tháng đạt 18.962 tỷ đồng, chiếm 28,93%/tổng vốn huy động.

+ Hoạt động tín dụng: Tổng dư nợ cấp tín dụng ước thực hiện đến tháng 6/2023 là 106.303 tỷ đồng, tăng 4,14% so với cuối năm 2022. Trong đó, dư nợ ngắn hạn là 82.986 tỷ đồng chiếm 78,07%; dư nợ trung, dài hạn là 23.317 tỷ đồng chiếm 21,93%.

**7. Đầu tư và xây dựng**

Trong 6 tháng đầu năm 2023, ước tổng vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn tỉnh đạt gần 10.288 tỷ đồng, tăng 31,85% so cùng kỳ. Nguồn vốn đầu tư tăng so cùng kỳ, chủ yếu tăng nguồn vốn đầu tư công và tăng vốn đầu tư từ các hộ gia đình nhờ nhu cầu xây dựng, sữa chữa nhà ở và cơ sở sản xuất kinh doanh tăng cao. Chia ra:

- Vốn ngân sách Nhà nước: Ước đạt hơn 5.381 tỷ đồng (chiếm 52,31% tổng vốn đầu tư trên địa bàn), tăng 39,62% so cùng kỳ; chia ra: Vốn từ ngân sách Trung ương đạt 671 tỷ đồng, tăng 29,08% và vốn ngân sách địa phương đạt hơn 4.710 tỷ đồng (chiếm 87,53% tổng nguồn vốn ngân sách), tăng 41,62% so cùng kỳ;

- Vốn khu vực ngoài Nhà nước: Ước đạt 4.899 tỷ đồng (chiếm 47,62% tổng vốn đầu tư trên địa bàn), tăng 26,37%, trong đó, vốn đầu tư từ các tổ chức, doanh nghiệp đạt 620 tỷ đồng, giảm 3,23% và vốn đầu tư từ hộ gia đình đạt 4.279 tỷ đồng, tăng 32,22% so cùng kỳ;

- Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt gần 8 tỷ đồng (chiếm 0,08%), giảm 89,07% so cùng kỳ.

Một số công trình trọng điểm như: Mở rộng nâng cấp đô thị Việt Nam – Tiểu dự án thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang; Tuyến đường liên kết vùng, đoạn từ thị xã Tân Châu đến thành phố Châu Đốc, kết nối với tỉnh Kiên Giang và Đồng Tháp; Đường tỉnh lộ 941 (đoạn nối dài); Tăng cường khả năng thích ứng và quản lý nước cho vùng thượng nguồn sông Cửu Long, huyện An Phú thuộc Dự án chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững đồng bằng song Cửu Long (WB9); Sân vận động tỉnh; Đề án trường chuẩn quốc gia; Trung tâm Kiểm nghiệm dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh An Giang; Cải tạo, sửa chữa và mua sắm trang thiết bị cho Bệnh viện Đa khoa Khu vực Tân Châu; Bệnh viện Sản – Nhi (giai đoạn 2) – Khối Nhi 200 giường; Trụ sở tập luyện và sinh hoạt Trung tâm Văn hóa nghệ thuật tỉnh An Giang; Khu hồi sức cấp cứu điều trị bệnh Covid-19 của Bệnh viện Đa khoa Trung tâm An Giang; Tiểu dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh An Giang; Trang bị trạm quan trắc môi trường tự động tỉnh An Giang; Xây dựng mới trụ sở làm việc Tòa án nhân dân tỉnh An Giang; Xây dựng mới trụ sở làm việc Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang; Nâng cấp, sửa chữa, bổ sung trang thiết bị cho các cơ sở cai nghiện ma túy; …

**8. Chỉ số giá**

*- Chỉ số giá tiêu dùng tháng 6/2023 tăng 0,33% so với tháng trước; tăng 0,64% so với tháng 12/2022; tăng 1,77% so với cùng kỳ năm trước. CPI bình quân 6 tháng đầu năm 2023 tăng 2,83% so với bình quân 6 tháng đầu năm 2022.*

+ Trong mức tăng 0,33% chỉ số CPI so tháng trước có 6/11 nhóm tăng gồm: Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 1,28%; Nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tăng 0,22; Nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,18%; Nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,02%,; Nhóm giao thông tăng 0,31%; Nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tăng 0,49%. Bên cạnh 06 nhóm hàng tăng giá có 03 nhóm hàng giảm giá: Nhóm đồ uống và thuốc lá giảm 0,06%; Nhóm nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng; Nhóm hàng hóa và dịch vụ khác giảm 0,05%. Ngoài ra còn có 02 nhóm hàng có chỉ số ổn định so tháng trước: Nhóm bưu chính viễn thông và nhóm giáo dục.

+ So với cùng kỳ năm trước, CPI tháng 6/2023 tăng 1,77%, có 9/11 nhóm hàng chính tăng giá, trong đó: *Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống* tăng 6,43%, ảnh hưởng của nhóm lương thực, thực phẩm; *Nhóm văn hóa, giải trí và du lịch* tăng 4,76%, khi dịch bệnh đã ổn định, du lịch đã hoạt động trở lại nên vào các ngày lễ hội du khách tham quan du lịch rất đông, hơn nữa hiện nay đang là mùa hè, giá du lịch trọn gói tăng 25,6%, trong đó: du lịch trong nước tăng 27,33%, du lịch nước ngoài tăng 29,83%, giá phòng khách sạn, nhà khách tăng 11,32%. Có 02 nhóm giảm giá: *Nhóm giá nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng* giảm 1,37%, chủ yếu là do giá gas giảm 19,08%, giá dầu hỏa giảm 33,93%; *Nhóm giao thông* giảm 15,6%, ảnh hưởng của các đợt điều chỉnh giá xăng dầu cụ thể: giá xăng A95 giảm bình quân 7.553 đồng/lít (tương đương 31,38%); giá xăng E5 giảm bình quân 7.697 đồng/lít (tương đương 32,0%), giá dầu diezel giảm bình quân 7.912 đồng/lít (tương đương 35,68%).

+ So với tháng 12/2022, CPI tháng 6/2023 tăng 0,64%, trong đó có 8/11 nhóm hàng chính tăng giá và 3/11 nhóm hàng giảm giá. Nhóm tăng cao nhất là *Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống* tăng 3,31%, nhóm giảm nhiều nhất là *Nhóm giáo dục* giảm 18,09%.

- Giá vàng ngày 20/6/2023 là 5.565 ngàn đồng/chỉ, giá bình quân trong tháng 5.574 ngàn đồng/chỉ. Chỉ số giá vàng tháng 6/2023 giảm 1,24% so tháng trước; tăng 5,03% so tháng 12/2022 và tăng 2,61% so cùng kỳ; bình quân 6 tháng đầu năm 2023 tăng 0,9% so bình quân 6 tháng đầu năm 2022

- Tỷ giá đô la Mỹ ngày 20/6/2023 là 23.690 VND/USD, giá bình quân trong tháng 23.664 VND/USD. Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 6/2023 tăng 0,12% so tháng trước; giảm 2,85% so tháng 12/2022 và tăng 1,37% so cùng kỳ; bình quân 6 tháng đầu năm 2023 tăng 2,82% so bình quân 6 tháng đầu năm 2022.

**II. TÌNH HÌNH XÃ HỘI**

1. Đời sống dân cư, an sinh xã hội

Thu nhập của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động hưởng lương trên địa bàn tỉnh An Giang 6 tháng năm 2023 cơ bản ổn định so cùng kỳ. Với mức thu nhập cơ bản đảm nhu cầu thiết yếu nhưng chưa có điều kiện nâng cao đời sống vật chất, tinh thần. Riêng đối với khu vực doanh nghiệp, vào những tháng cuối năm 2022 và đầu năm 2023 tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp gặp khó khăn dẫn đến việc làm thu nhập của người lao động bị ảnh hưởng. Người dân nông thôn sống chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, thủy sản, tuy quy mô sản xuất trong 6 tháng đầu năm 2023 không bị ảnh hưởng, giá bán nông sản (lúa, cá) có tăng nhưng chi phí sản xuất tăng cao hơn (do giá vật tư nông nghiệp và nguyên liêu đầu vào tăng nhiều) thu nhập của người dân giảm đi, trong khi giá cả các mặt hàng thiết yếu tăng và có xu hướng tiếp tục tăng, đời sống người dân gặp khó khăn.

Công tác chăm lo cho các đối tượng chính sách, người lao động, người nghèo được các cấp, các ngành quan tâm thực hiện chu đáo, đặc biệt trong dịp Tết Nguyên đán, đã nhận được nhiều hưởng ứng tích cực từ cộng đồng. Triển khai việc rà soát lập danh sách cấp thẻ Bảo hiểm y tế cho đối tượng thuộc hộ nghèo, cận nghèo năm 2023, đã khám chữa bệnh cho 1.549 lượt người nghèo với kinh phí trên 88,871 triệu đồng; khám chữa bệnh miễn phí cho trẻ em dưới 6 tuổi 1.056 lượt với kinh phí trên 42,533 triệu đồng. Hỗ trợ cho các đối tượng bảo trợ xã hội đang hưởng trợ cấp thường xuyên tại cộng đồng cho 90.000 đối tượng với kinh phí trên 300 tỷ đồng; Công tác quản lý, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội hiện đang được chăm sóc là 235 đối tượng (trẻ em mồ côi 16 trẻ, 10 đối tượng lang thang cơ nhỡ, khác 209 người). Tổ chức các hoạt động thăm, viếng, trợ cấp ưu đãi người có công lũy kế 6 tháng năm 2023 đối với khoảng 31.011 người có công và thân nhân của họ, với số tiền khoảng 31.011 triệu đồng, và đã chi trợ cấp Tết theo Quyết định của Chủ tịch nước đối với 12.807 người có công và thân nhân với số tiền khoảng 3.870 triệu đồng.

Lao động việc làm cho người lao động: Trong 6 tháng đầu năm 2023 toàn tỉnh tuyển sinh đào tạo nghề nghiệp cho 6.286 người (gồm cao đẳng 91 sinh viên, trung cấp 146 sinh viên, sơ cấp 4.534 học viên, dưới 3 tháng 1.515 học viên); Giải quyết được 8.605 trường hợp được hưởng trợ cấp thất nghiệp với tổng số tiền chi trả là 147.535 triệu đồng; Tổ chức tư vấn, giới thiệu việc làm và xuất khẩu lao động là 14.413 trường hợp; Tổ chức được 07 Phiên giao dịch việc làm, Ngày hội việc làm và 11 cụm, điểm tư vấn kết nối việc làm cho người lao động tại 07 huyện, thị xã, thành phố (Phú Tân, Châu Thành, Tri Tôn, Tân Châu; Long Xuyên, Thoại Sơn, An Phú) có 198 doanh nghiệp tham dự (59 trực tiếp, 139 trực tuyến), với 6.618 lao động tham dự. Tính đến nay, toàn tỉnh có 195 lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng: Nhật Bản: 129 lao động, Đài Loan: 51 lao động, Hàn Quốc: 08 lao động, Ba Lan: 02 lao động, Mỹ: 01 lao động, Hồng Kong: 02 lao động, Trung Quốc: 01 lao động, Malaysia: 01 lao động.

**2. Giáo dục, y tế, văn hóa và thể thao**

 - Giáo dục: Ngành chức năng đã tổ chức triển khai thực hiện tốt các nhiệm vụ công tác đã đề ra: Tổ chức thành công Kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT năm học 20232024 với số thí sinh dự thi đạt 99,02% số đăng ký dự thi; Tập trung chuẩn bị tốt cho kỳ thi TN THPT năm học 2022-2023: Có 19.942 thí sinh đăng ký trực tuyến trên hệ thống chung của Bộ GDĐT, tập huấn công tác coi thi; Hoàn thành bảng số liệu tốt nghiệp THCS năm học 2022-2023, tổng số học sinh lớp 9: 28.728 học sinh, số tốt nghiệp THCS: 27.701 học sinh, tỉ lệ 99,91%; Bộ GDĐT đến khảo sát tại huyện Tri Tôn và TP Châu Đốc về triển khai Kế hoạch phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2018-2025 và vùng khó khăn giai đoạn 2022-2030; Sơ kết 02 năm triển khai Chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm giai đoạn 2021-2025”; Sơ kết 05 năm thực hiện chỉ thị 19-CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường công tác ở vùng đồng bào dân tộc Khme trong tình hình mới đối với cấp học mầm non; Triển khai thực hiện về việc chấn chỉnh tổ chức và hoạt động của các cơ sở giáo dục mầm non tư thục trên địa bàn tỉnh An Giang.

 - Y tế: Tình hình dịch bệnh 6 tháng đầu năm 2023 ghi nhận số mắc Sốt xuất huyết là 2.164 ca, giảm 58% so cùng kỳ, không có tử vong; Tay-Chân-Miệng (TCM) có 594 ca mắc, giảm 14,2% so cùng kỳ, không có tử vong; Bệnh Thương hàn và Phó thương hàn có 06 ca mắc, không tử vong; Sởi và Sốt phát ban nghi Sởi có có 09 ca mắc; Bệnh tả, bệnh Viêm não virus khác có 01 ca mắc. Các loại bệnh mới phát sinh như: Bệnh Chikungunya, Bệnh Zika từ đầu năm đến nay chưa có ghi nhận trường hợp nào phát sinh. Tình hình HIV/AIDS tính từ 01/01/2023 đến ngày 31/5/2023 phát hiện 57 người bị nhiễm mới HIV, số tử vong 19 ca. So với cùng kỳ năm 2022, số bệnh nhân HIV ít hơn 136 ca (giảm 70,5%), số bệnh nhân AIDS ít hơn 06 ca, số tử vong ít hơn 07 ca (giảm 26,9%). Công tác khám chữa bệnh: Tổng số lần khám bệnh là 555.847 lần, so tháng trước tăng 4,6%, trong đó các bệnh viện tuyến tỉnh khám 124.742 lần, so tháng trước tăng 43,1%, chiếm 22,4%; tuyến huyện và xã, phường khám 399.095 lần, so tháng trước giảm 2,5%, chiếm 71,8%; bệnh viện tư nhân khám 32.010 lần, so tháng trước giảm 9,1%, chiếm tỷ lệ 5,8%. Tổng số bệnh nhân điều trị nội trú là 27.008 người, so tháng trước tăng 9%.

Về an toàn vệ sinh thực phẩm: Từ đầu năm đến nay có 01 vụ ngộ độc thực phẩm do ăn chè đậu trắng miễn phí bị nhiễm khuẩn và độc tố của vi khuẩn (vào ngày 04/02/2023 tại huyện Chợ Mới) với 88 người mắc, trong đó có 01 trường hợp tử vong.

 - Văn hóa và thể dục thể thao: Trong 6 tháng năm 2023, toàn ngành tiếp tục triển khai tổ chức tốt các hoạt động nhân các ngày lễ kỷ niệm, sự kiện quan trọng của tỉnh và cả nước: Các chương trình văn nghệ chào Xuân Quý Mão năm 2023, tổ chức lễ tưởng niệm 43 năm ngày mất Chủ tịch Tôn Đức Thắng (14/02/1980 - 14/02/2023 âm lịch), kỷ niệm 48 năm ngày Giải phóng miền Nam thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2023), 133 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5/1890 - 19/5/2023), tổ chức Ngày hội Văn hóa, Thể thao và Du lịch đồng bào Khmer… Công tác tuyên truyền, khuyến khích người dân luyện tập thể dục, thể thao được đẩy mạnh. Trong 6 tháng năm 2023, tỉnh An Giang đã tổ chức nhiều giải thi đấu thể dục thể thao quần chúng, trong đó có 07 giải thể thao cấp tỉnh như: hội thao công nhân viên chức người lao động, giải đẩy gậy - kéo co thanh niên, giải Pencak Silat, Ngày hội văn hóa, thể thao Biên phòng, Ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân. Các bộ môn thể thao thành tích cao đã cử trên 36 lượt HLV, 217 VĐV tham gia tập huấn, thi đấu các giải thể thao trong hệ thống quốc gia và các giải quốc tế. Kết quả đoạt 59 huy chương (20 HCV – 23 HCB – 16 HCĐ).

**3. Tai nạn giao thông**

Trong 6 tháng đầu năm đến nay có 99 vụ tai nạn giao thông (cùng kỳ có 87 vụ), làm chết 83 người (cùng kỳ có 82 người chết), bị thương 51 người (cùng kỳ có 22 người). Trong đó có 04 vụ rất nghiệm trọng làm 07 người chết, 03 người bị thương; có 80 vụ nghiêm trọng làm chết 76 người, bị thương 26 ngưởi và có 15 vụ ít nghiêm trọng làm bị thương 22 người. Số tai nạn xuất hiện ở tất cả 11 huyện thị xã, thành phố, nhiều nhất là ở huyện Châu Phú 15 vụ, ít nhất ở huyện An Phú 01 vụ.

**4. Thiệt hại do thiên tai**

- Sạt lở, sụt lún, răn nứt đất bờ sông, kênh, rạch: Từ đầu năm đến nay, xảy ra 44 điểm sạt lở, sụt lún và răn nứt đất bờ sông, kênh, rạch, với tổng chiều dài là 2.188 m, làm ảnh hưởng đến 79 căn nhà của người dân sống trong khu vực. Ước thiệt hại về đất khoảng 6.001 triệu đồng. Ngoài ra sạt lở còn làm ảnh hưởng 02 kho trấu, 02 lò sấy, 01 nhà máy của doanh nghiệp xat xát lúa gạo ở thị xã Tân Châu.

- Thiệt hại do mưa, giông: Từ đầu năm đến nay, xảy ra 14 vụ làm 01 người chết; ảnh hưởng 146 căn nhà; thiệt hại 20,3 ha lúa và 34,02 ha hoa màu. Ước thiệt hại khoảng 1.222 triệu đồng.

**5. Bảo vệ môi trường và phòng, chống cháy, nổ**

- Tính từ đầu năm, toàn ngành đã triển khai 154 cuộc thanh, kiểm tra về tài nguyên và môi trường (đất đai 51 cuộc, khoáng sản 78 cuộc, môi trường 24 cuộc) với tổng số 545 tổ chức, cá nhân được kiểm tra. Qua kiểm tra, đã phát hiện, xử lý vi phạm hành chính đối với 29 trường hợp (cùng kỷ là 31 trường hợp) với số tiền thu phạt nộp vào ngân sách 399 triệu đồng.

- Từ đầu năm đến nay có 02 vụ cháy nổ ở huyện An Phú và huyện Thoại Sơn, làm 01 người chết, ước tổng giá trị thiệt hại là 740 triệu đồng./.

**CỤC THỐNG KÊ TỈNH AN GIANG**